

Chương 6

THỦ TỤC SƠ THẨM VỤ ÁN DÂN SỰ

- **1. Khởi kiện và thụ lý vụ án dân sự**
- **2. Chuẩn bị xét xử sơ thẩm**
 - 2.1 Thời hạn chuẩn bị xét xử
 - 2.2 Các hoạt động tố tụng
 - 2.2.1 Hòa giải
 - 2.2.2 Tạm đình chỉ giải quyết vụ án dân sự
 - 2.2.3 Đình chỉ giải quyết vụ án dân sự
 - 2.2.4 Biện pháp khẩn cấp tạm thời

KHỞI KIẾN VÀ THỤ LÝ VỤ ÁN DÂN SỰ

- **Quyền khởi kiện vụ án dân sự**
 - Những đặc điểm của quyền khởi kiện
 - Chủ thể khởi kiện
 - Thủ tục khởi kiện
- **Thụ lý vụ án dân sự**
 - Khái niệm thụ lý vụ án
 - Thủ tục thụ lý
 - Nhận và xem xét đơn
 - Trả lại đơn
 - Thụ lý

Chuẩn bị xét xử sơ thẩm

- *Thời hạn chuẩn bị xét xử*
- *Các hoạt động tố tụng*
 - *Hòa giải*
 - *Tạm đình chỉ giải quyết vụ án dân sự*
 - *Đình chỉ giải quyết vụ án dân sự*
 - *Biện pháp khẩn cấp tạm thời*



Thời hạn chuẩn bị xét xử

- - *Đối với vụ án dân sự, hôn nhân và gia đình quy định tại Điều 25 và Điều 27 của Bộ luật TTDS thời hạn là bốn tháng, kể từ ngày thụ lý vụ án*
- - *Đối với vụ án thương mại, kinh doanh, lao động quy định tại Điều 29 và Điều 31 của Bộ luật TTDS thời hạn là hai tháng, kể từ ngày thụ lý vụ án*



Hòa giải

Phạm vi hòa giải

- @Những vụ án phải tiến hành hòa giải
- @Những vụ án không được tiến hành hòa giải
- *Yêu cầu đòi bồi thường gây thiệt hại đến tài sản của Nhà nước*
- *Những vụ án dân sự phát sinh từ giao dịch trái pháp luật hoặc trái đạo đức xã hội*
- @Những vụ án không tiến hành hòa giải được



Tạm đình chỉ giải quyết vụ án dân sự

- Đương sự là cá nhân đã chết, cơ quan, tổ chức đã sáp nhập, chia, tách, giải thể mà chưa có cá nhân, cơ quan, tổ chức kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của cá nhân, cơ quan, tổ chức đó.
- Một bên đương sự là cá nhân mất năng lực hành vi dân sự mà chưa xác định được người đại diện theo pháp luật.
- Chấm dứt đại diện hợp pháp của đương sự mà chưa có người thay thế.
- Cần đợi kết quả giải quyết vụ án khác có liên quan hoặc sự việc được pháp luật quy định là phải do cơ quan, tổ chức khác giải quyết trước mới giải quyết được vụ án.



Đình chỉ giải quyết vụ án dân sự

- Nguyên đơn hoặc bị đơn là cá nhân đã chết mà quyền, nghĩa vụ của họ không được thừa kế
- Cơ quan, tổ chức đã bị giải thể hoặc bị tuyên bố phá sản mà không có người kế thừa tổ tụng
- Người khởi kiện rút đơn khởi kiện và được Toà án chấp nhận hoặc người khởi kiện không có quyền khởi kiện
- Cơ quan, tổ chức rút văn bản khởi kiện
- Các đương sự đã tự thoả thuận và không yêu cầu Toà án tiếp tục giải quyết vụ án
- Nguyên đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt
- Đã có quyết định của Toà án mở thủ tục phá sản đối với doanh nghiệp, hợp tác xã

Biện pháp khẩn cấp tạm thời

- Giao người chưa thành niên cho cá nhân hoặc tổ chức trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.
- Buộc thực hiện trước một phần nghĩa vụ cấp dưỡng.
- Buộc thực hiện trước một phần nghĩa vụ bồi thường thiệt hại do tính mạng, sức khoẻ bị xâm phạm.
- Buộc người sử dụng lao động tạm ứng tiền lương, tiền công, tiền bồi thường, trợ cấp tai nạn lao động hoặc bệnh nghề nghiệp cho người lao động.
- Tạm đình chỉ việc thi hành quyết định sa thải người lao động.
- Kê biên tài sản đang tranh chấp.

Biện pháp khẩn cấp tạm thời

- Cấm chuyển dịch quyền về tài sản đối với tài sản đang tranh chấp.
- Cấm thay đổi hiện trạng tài sản đang tranh chấp.
- Cho thu hoạch, cho bán hoa màu hoặc sản phẩm, hàng hoá khác.
- Phong tỏa tài khoản tại ngân hàng, tổ chức tín dụng khác, kho bạc nhà nước; phong tỏa tài sản ở nơi giữ giữ.
- Phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ.
- Cấm hoặc buộc đương sự thực hiện hành vi nhất định.

Phiên tòa sơ thẩm

- *Thủ tục bắt đầu phiên tòa*
- *Thủ tục hỏi tại phiên tòa*
- *Tranh luận tại phiên tòa*
- *Nghị án*
- *Tuyên án*

Thủ tục bắt đầu phiên tòa

- Khai mạc phiên tòa
- Kiểm tra sự có mặt các chủ thể, kiểm tra căn cước đương sự
- Phổ biến quyền và nghĩa vụ tố tụng cho các chủ thể
- Giới thiệu thành viên hội đồng xét xử
- Hỏi và giải quyết việc thay đổi người tiến hành tố tụng



Thủ tục hỏi tại phiên tòa

- Hỏi đương sự về việc thay đổi, bổ sung, rút yêu cầu
- Thay đổi địa vị tố tụng
- Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự
- Thứ tự hỏi tại phiên tòa: Chủ tọa PT, Hội thẩm ND, người bảo vệ quyền lợi ĐS, người tham gia tố tụng khác, đương sự, Kiểm sát viên
- Thứ tự người được hỏi: nguyên đơn, bị đơn, người có quyền và nghĩa vụ liên quan, người làm chứng.
- Xem xét công bố các tài liệu, băng ghi âm, đĩa ghi âm, xem băng, đĩa ghi hình, hoặc xem xét tại chỗ các vật chứng



Tranh luận tại phiên tòa

- - Các đương sự, người bảo vệ quyền lợi cho đương sự tranh luận công khai tại phiên tòa. Việc tranh luận không bị hạn chế về thời gian cũng như số lần phát biểu ý kiến.
- - Hội đồng xét xử điều khiển việc tranh luận tại phiên tòa



Nghị án

- - Chỉ có các thành viên của Hội đồng xét xử mới có quyền nghị án. Nguyên tắc nghị án kín
- - Khi nghị án, các thành viên của Hội đồng xét xử phải giải quyết tất cả các vấn đề của vụ án bằng cách giải quyết theo đa số đối với từng vấn đề. Hội thẩm nhân dân biểu quyết trước, Thẩm phán biểu quyết sau cùng.
- - Quyền bảo lưu ý kiến thiểu số của Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân
- - Việc nghị án phải ghi vào biên bản.



Phiên tòa



Tuyên án

- - Tuyên án công khai, kể cả những vụ án xét xử kín.
- - Hội đồng xét xử đọc toàn bộ bản án và giải thích cho đương sự quyền kháng cáo.



TUYÊN ÁN



Chương 7

THỦ TỤC PHỤC THẨM DÂN SỰ

- **Tính chất của thủ tục phúc thẩm dân sự**
- **Kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm**
- **Trình tự phúc thẩm**
- **Quyền hạn của Tòa cấp phúc thẩm**
- **Thủ tục phúc thẩm đối với quyết định sơ thẩm**



KHÁNG CÁO PHỨC THẨM

- - Đương sự
- - Đại diện của đương sự
- - Cơ quan, tổ chức khởi kiện vì lợi ích người khác, lợi ích công cộng, lợi ích nhà nước. Thời hạn kháng cáo
- Thời hạn kháng cáo đối với bản án của Tòa án cấp sơ thẩm là mười lăm ngày, kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết.
- ☒

KHÁNG NGHỊ PHỨC THẨM

- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp
- Viện kiểm sát nhân dân cấp trên trực tiếp
- Thời hạn kháng nghị:
- Thời hạn kháng nghị đối với bản án của Tòa án cấp sơ thẩm của Viện kiểm sát cùng cấp là mười lăm ngày, của Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp là ba mươi ngày, kể từ ngày tuyên án. Trường hợp Kiểm sát viên không tham gia phiên tòa thì thời hạn kháng nghị tính từ ngày Viện kiểm sát cùng cấp nhận được bản án ☒

Thời hạn kháng cáo, kháng nghị các quyết định sơ thẩm

Thời hạn kháng cáo đối với quyết định tạm đình chỉ, đình chỉ giải quyết vụ án của Tòa án cấp sơ thẩm là bảy ngày, kể từ ngày người có quyền kháng cáo nhận được quyết định.

- Thời hạn kháng nghị của Viện kiểm sát cùng cấp đối với quyết định tạm đình chỉ, đình chỉ giải quyết vụ án của Tòa án cấp sơ thẩm là bảy ngày, của Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp là mười ngày, kể từ ngày Viện kiểm sát cùng cấp nhận được quyết định.



Hậu quả của kháng cáo, kháng nghị

- Những phần của bản án, quyết định sơ thẩm bị kháng cáo, kháng nghị thì chưa được đưa ra thi hành, trừ trường hợp pháp luật quy định cho thi hành ngay.

Bản án, quyết định hoặc những phần của bản án, quyết định sơ thẩm của Tòa án không bị kháng cáo, kháng nghị thì có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.



Trình tự phúc thẩm

- Thụ lý vụ án
- Thời hạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm: Trong thời hạn hai tháng kể từ ngày thụ lý vụ án
- Các hoạt động tố tụng
 - Quyết định áp dụng, thay đổi, hủy bỏ biện pháp khẩn cấp tạm thời
 - Tạm đình chỉ việc xét xử phúc thẩm
 - Đình chỉ việc xét xử phúc thẩm
 - Đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm
- Phiên tòa phúc thẩm

Quyền hạn của Tòa cấp phúc thẩm

- Giữ nguyên bản án sơ thẩm
- Sửa bản án sơ thẩm
- Hủy bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án cho tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án
- Hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án

Thủ tục phúc thẩm quyết định sơ thẩm

Không phải mở phiên tòa

Không triệu tập đương sự

Viện kiểm sát bắt buộc phải tham gia tố tụng

Trình tự, tính chất phiên họp

Quyền hạn của hội đồng phúc thẩm

- + Giữ nguyên quyết định của tòa án cấp sơ thẩm
- + Sửa quyết định của tòa án cấp sơ thẩm
- + Hủy quyết định của tòa án cấp sơ thẩm và chuyển hồ sơ cho tòa án cấp sơ thẩm tiếp tục giải quyết



Chương 10

THỦ TỤC XÉT LẠI CÁC BẢN ÁN, QUYẾT ĐỊNH ĐÃ CÓ HIỆU LỰC PHÁP LUẬT

- **Thủ tục giám đốc thẩm**

- Tính chất giám đốc thẩm

- Kháng nghị giám đốc thẩm

- Thẩm quyền giám đốc thẩm

- Phiên tòa giám đốc thẩm

- Quyền hạn của hội đồng giám đốc thẩm

- **Thủ tục tái thẩm**



Chủ thể kháng nghị GĐT

- - Chánh án Tòa án nhân dân cấp tỉnh
- - Chánh án Tòa án nhân dân tối cao
- - Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh
- - Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao



Căn cứ kháng nghị

- - Kết luận trong bản án, quyết định không phù hợp với những tình tiết khách quan của vụ án
- - Có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng
- - Có sai lầm nghiêm trọng trong việc áp dụng pháp luật



Thẩm quyền giám đốc thẩm

- - Ủy ban thẩm phán Tòa án nhân dân cấp tỉnh
- - Các Tòa chuyên trách của Tòa án nhân dân tối cao
- - Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao



Quyền hạn của hội đồng giám đốc thẩm

- - Không chấp nhận kháng nghị và giữ nguyên bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật;
- - Giữ nguyên bản án, quyết định đúng pháp luật của Tòa án cấp dưới đã bị huỷ hoặc bị sửa;
- - Huỷ bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật để xét xử sơ thẩm lại hoặc xét xử phúc thẩm lại;
- - Huỷ bản án, quyết định của Tòa án đã xét xử vụ án và đình chỉ giải quyết vụ án.



Thủ tục tái thẩm

- *Căn cứ kháng nghị*
- Mới phát hiện được tình tiết quan trọng của vụ án mà đương sự đã không thể biết được trong quá trình giải quyết vụ án;
- Có cơ sở chứng minh kết luận của người giám định, lời dịch của người phiên dịch không đúng sự thật hoặc có giả mạo chứng cứ;
- Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Kiểm sát viên có ý làm sai lệch hồ sơ vụ án hoặc cố ý kết luận trái pháp luật;
- Bản án, quyết định của Toà án hoặc quyết định của cơ quan nhà nước mà Toà án căn cứ vào đó để giải quyết vụ án đã bị huỷ bỏ.

Quyền hạn của hội đồng tái thẩm

- - Không chấp nhận kháng nghị và giữ nguyên bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật;
- - Huỷ bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật để xét xử sơ thẩm lại
- - Huỷ bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật và đình chỉ giải quyết vụ án.

Chương 11

THỦ TỤC GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ

- **Thủ tục chung giải quyết việc dân sự**
 - - *Thủ tục đơn giản*
 - - *Do một Thẩm phán giải quyết, không có sự tham gia của Hội thẩm nhân dân*
 - - *Viện kiểm sát bắt buộc phải tham gia phiên họp giải quyết việc dân sự*
- **Thủ tục sơ thẩm việc dân sự**
- **Thủ tục phúc thẩm việc dân sự**

Thủ tục sơ thẩm việc dân sự

- *Thẩm quyền giải quyết của Tòa án*
- *Thủ tục nộp đơn và thụ lý*
- *Thủ tục giải quyết việc dân sự*
 - - *Thời hạn chuẩn bị phiên họp*
 - - *Phiên họp*

PHIÊN HỌP GIẢI QUYẾT VIỆC DS

- Thư ký Tòa án báo cáo
- Thẩm phán khai mạc phiên họp, kiểm tra căn cước của họ
- Người yêu cầu hoặc đại diện trình bày
- Người có liên quan trình bày ý kiến
- Người làm chứng, người giám định trình bày
- Xem xét tài liệu, chứng cứ
- Kiểm sát viên phát biểu ý kiến
- Thẩm phán quyết định chấp nhận hoặc không chấp nhận yêu cầu

Chương 12

THI HÀNH ÁN DÂN SỰ

- Những vấn đề chung về thi hành án
- *Khái niệm và đặc điểm*
- *Những bản án, quyết định được thi hành*
- *Quyền yêu cầu thi hành án*
- *Thời hiệu yêu cầu thi hành án*
- Các biện pháp cưỡng chế thi hành án
- *Cưỡng chế nghĩa vụ trả tiền*
- *Cưỡng chế thi hành nghĩa vụ giao vật, giao nhà, chuyên quyền sử dụng đất*
- *Cưỡng chế thi hành nghĩa vụ buộc làm hoặc không được làm công việc nhất định*

